TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 21- 02- 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Lưu Đình Tâm, bà Nguyễn Thị Hà.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Đ; sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T; sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà Đỗ Thị Đ; Vắng mặt ông Bùi Văn T (ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Vào năm 2007, ông Bùi Văn T có vay bà Đ số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), thời hạn vay đến tháng 12 âm lịch năm 2007 (tức tháng 01/2008) sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà. Khi vay hai bên có thỏa thuận về lãi suất những không nêu cụ thể lãi suất là bao nhiêu %.

Đến hạn trả nợ, bà Đ đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả tiền. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn T phải trả cho bà Đ số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà Đ không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ. Tại biên bản xác minh ở Công an xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã thể hiện: Ông Bùi Văn T vắng mặt tại địa phương thi thoảng mới về địa phương ít ngày rồi lại đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để ông T biết việc bà Đ khởi kiện yêu cầu ông T phải trả tiền đã vay cho bà Đ, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ.

+ Buộc ông Bùi Văn T trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Buộc ông Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T trả số tiền đã vay là 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Bùi Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng ông T vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho ông T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Ông T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng ông T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây

là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Ông T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa Bà Đỗ Thị Đ và ông Bùi Văn T, được thực hiện trước ngày bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp, tuy nhiên căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015, giao dịch dân sự giữa bà Đ và ông T phù hợp với các quy định của bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp.

[3] Tại giấy vay tiền ông Bùi Văn T đã ký nhận có vay của bà Đ số tiền là 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), thời hạn vay đến tháng 12 âm lịch năm 2007 (tức tháng 01/2008) và có lãi xuất. Như vậy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn trả nợ và có lãi. Đây là hợp đồng vay tài sản hợp pháp.

[4] Về tiền gốc: Đến hạn trả nợ, bà Đ đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả tiền. Như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn T phải trả cho bà Đ số tiền gốc 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Trong hợp đồng vay nợ thể hiện bà Đ cho ông T vay có lãi suất nhưng không thể hiện rõ lãi suất là bao nhiêu. Nay bà Đ không yêu cầu ông T trả tiền lãi, đây là sự tự nguyện của bà Đ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

- Bà Đỗ Thị Đ là người cao tuổi, nên miễn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Đ.

- Yêu cầu của bà Đỗ Thị Đ được chấp nhận nên ông Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357; 463; 466; 468; 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự. điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc ông Bùi Văn T phải trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền gốc là 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đỗ Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Bùi Văn T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Đỗ Thị Đ, vắng mặt ông Bùi Văn T. Bà Đỗ Thị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.